

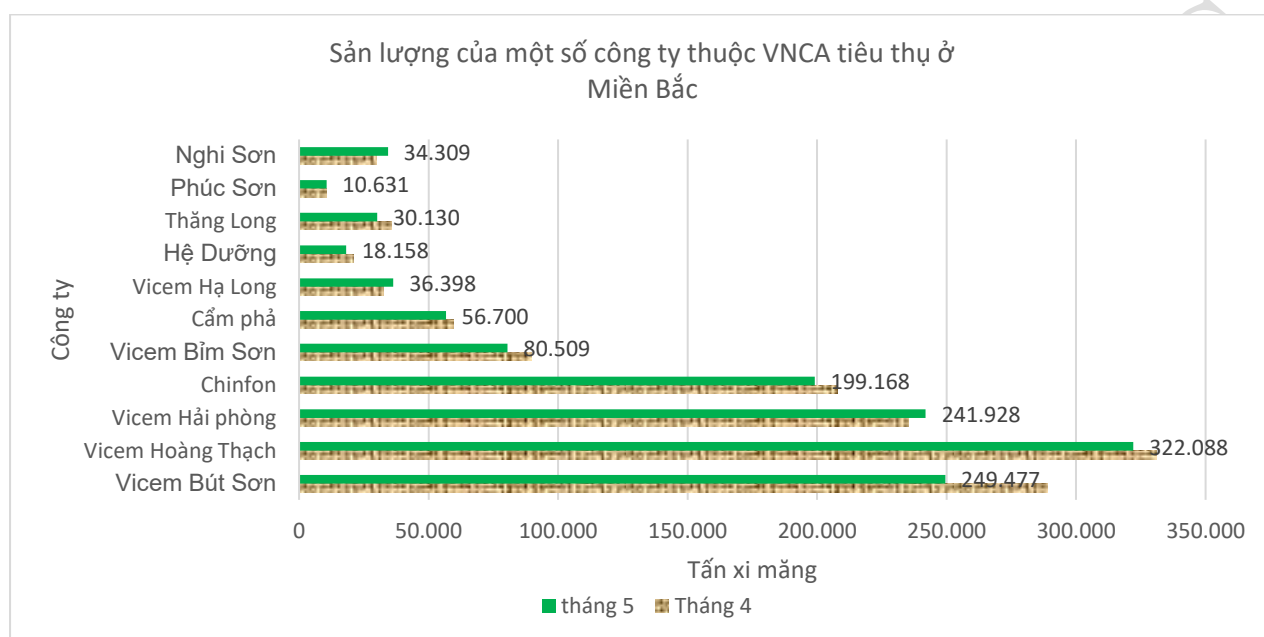
TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG XI MĂNG VIỆT NAM THÁNG 5/2022

A- TIÊU THỤ NỘI ĐỊA:

I.Thị trường xi măng miền Bắc:

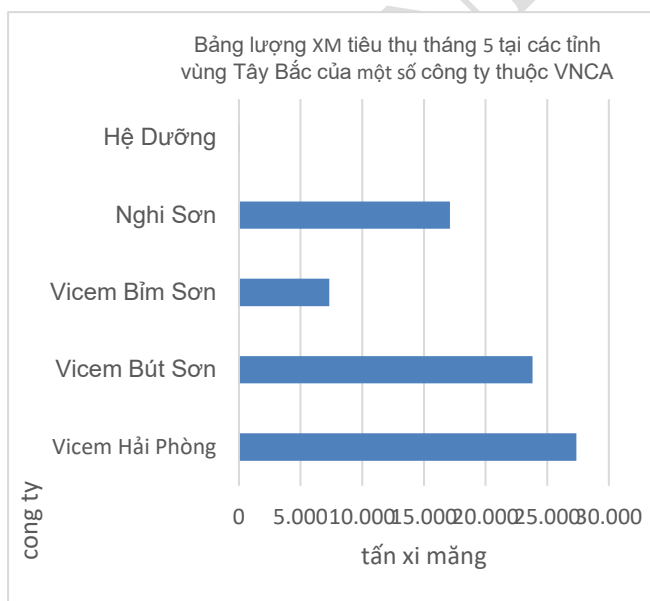
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Bắc tháng 5/2022 là: 2.062.705 tấn (tháng 4 là 2.144.323 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Bắc của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

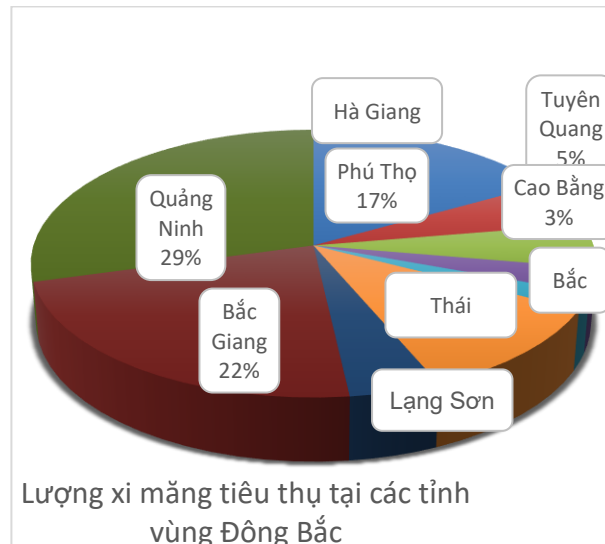
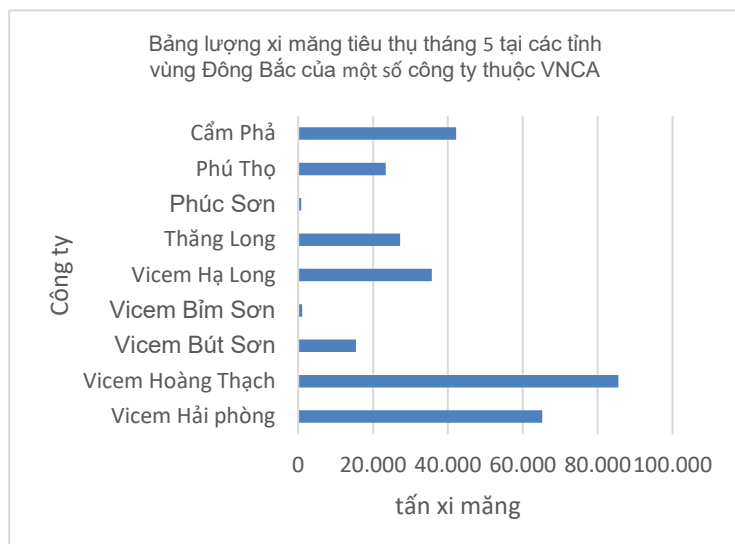


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Bắc trong tháng 5/2022 như sau:

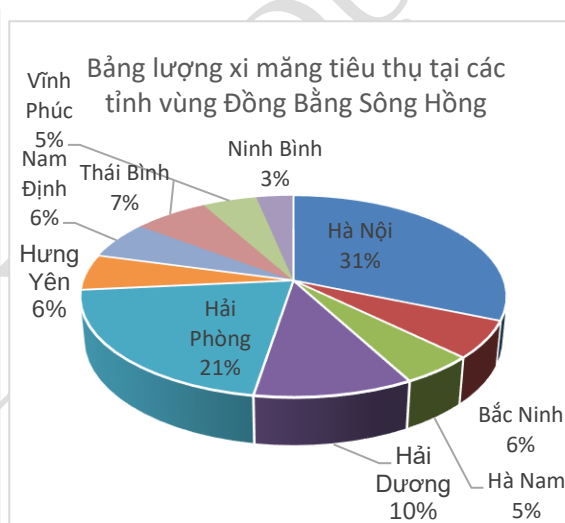
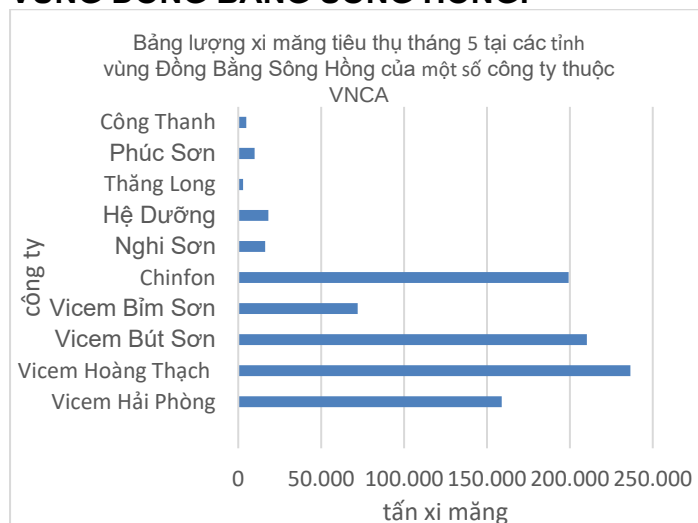
VÙNG TÂY BẮC:



VÙNG ĐÔNG BẮC:



VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Bắc như sau:

Giá không ghi chú chủng loại thì được hiểu là giá PCB 30 (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

1. Tại Yên Bái:

- XM Yên Bình: 1.338 - XM Vicem Hải Phòng (ST): 1.518 - XM CFC: 1.725

2. Tại Lạng Sơn:

- XM Hoàng Thạch: 1.620 - XM Lạng Sơn: 1.150

3. Tại Thái Nguyên:

- XM La Hiên: 1.390 - XM Quang Sơn: 1.420

- XM Tuyên Quang: PCB 30: 1.280 PCB 40: 1.380

4. Tại Quảng Ninh:

- XM Hoàng Thạch: 1.570 - XM Phúc Sơn: 1.410

- XM Chin Fon: 1.560 - XM Lam Thạch: 1.320

- XM Thăng Long PCB 40 1.520 - XM Hạ Long PCB 40 1.470

- XM Cẩm phả PCB 40 1.445

5. Tại Bắc Ninh:

- Xi măng Hoàng Thạch: 1.670 - XM Cẩm Phả PCB 40: 1.425

XM Phúc Sơn: 1.515 XM Long Sơn: 1.430 - XM Chinfon: 1.640

6. Tại Bắc Giang:

- XM Hoàng Thạch: 1.490

- XM Cẩm Phả PCB 40: 1.510 - XM Phúc Sơn: 1.500

- XM Thăng Long PCB 40 1.510 - XM Long Sơn 1.480

7. Tại Hải Dương: - XM Chinfon: 1.600 - Hoàng Thạch: 1.660

- XM Cẩm phả PCB 40	1.580	- XM Phúc Sơn:	1.520
---------------------	-------	----------------	-------

8. Tại Hưng Yên: - XM Hoàng Thạch: 1.580

- XM Chín Fon:	1.540	- XM Bút Sơn:	1.550
- XM Phúc Sơn:	1.465		

9. Tại Thanh Hoá:

- XM Bỉm Sơn: 1.490 - XM Nghi Sơn PCB 40 1.390
 - XM Hoàng Mai 1.450 - XM Tam Điệp: 1.410

10. Tại Ninh Bình: - XM Tam Điệp: 1.400 - XM Hệ Dưỡng: 1.250 (giá tại nhà máy)

- XM Bỉm Sơn: 1.400

11. Tại Nam Định: - XM Hoàng Thạch: 1.590 XM Cẩm phả: 1.470

- XM Bỉm Sơn: 1.670

- XM Long Sơn: 1.485 - XM Chín Fon 1.590

12. Tại Thái Bình:

- XM Xuân Thành: 1.510 - XM Chín Fon: 1.570 XM Thăng Long: 1.500
 - XM Long Sơn: 1.485 - XM Cẩm phả: 1.480

13. Tại Hà Nội:

- XM Chín Fon: 1.540 - XM Hoàng Thạch: 1.610
 - XM Phúc Sơn: 1.510 - XM Bỉm Sơn: 1600
 - XM Tam Điệp: 1590 - XM Bút Sơn: 1590
 - Long Sơn: 1.370 - XM Thăng Long PCB 40: 1.530
 - XM Nghi Sơn PCB 40: 1.570 - XM Cẩm Phả: 1.540

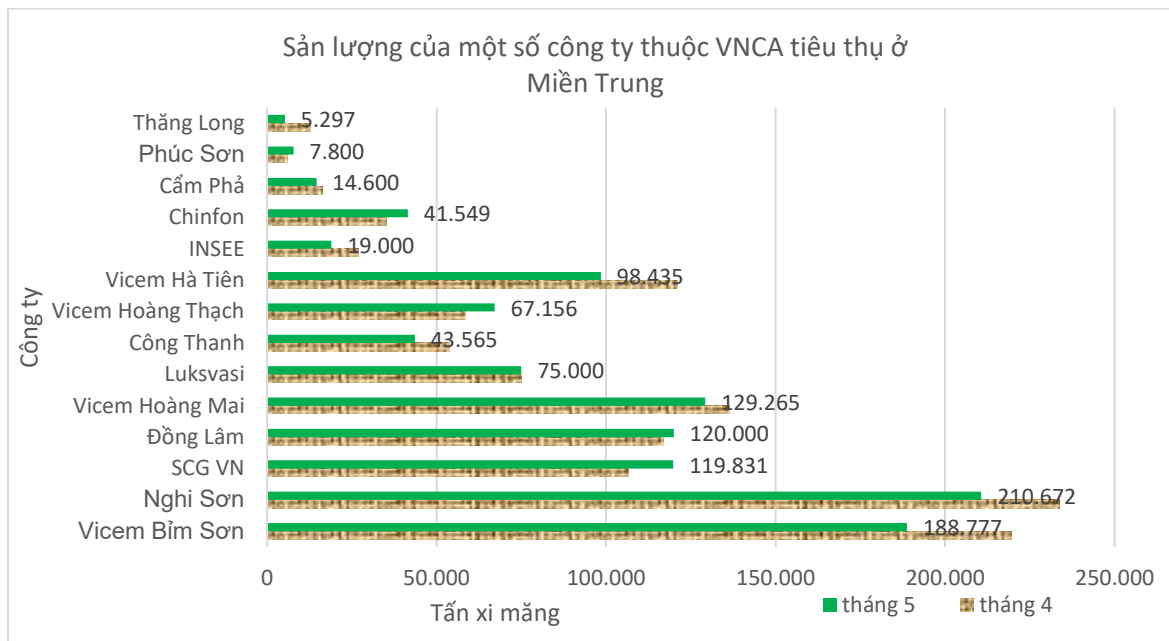
15. Tại Hải phòng: - XM Chín Fon: 1.640 XM Long Sơn: 1.490

- XM Hải phòng: 1.690 - XM Phúc Sơn: 1.480

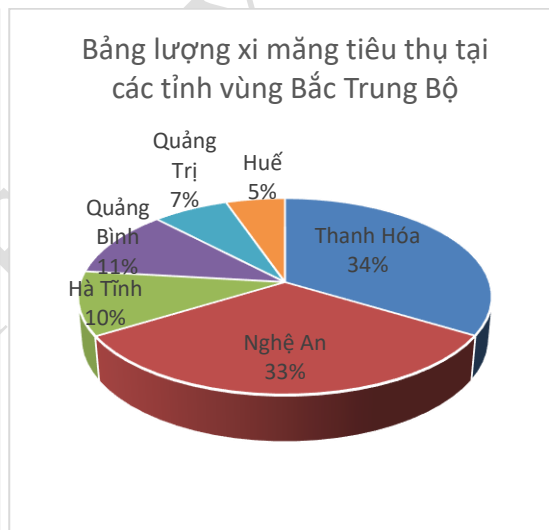
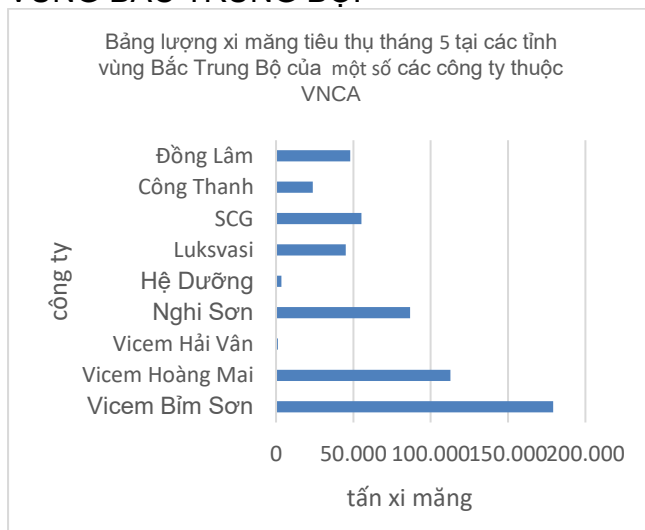
II. Thị trường xi măng miền Trung:

Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Trung tháng 5/2022: 1.610.085 tấn (tháng 4 là 1.696.528 tấn).

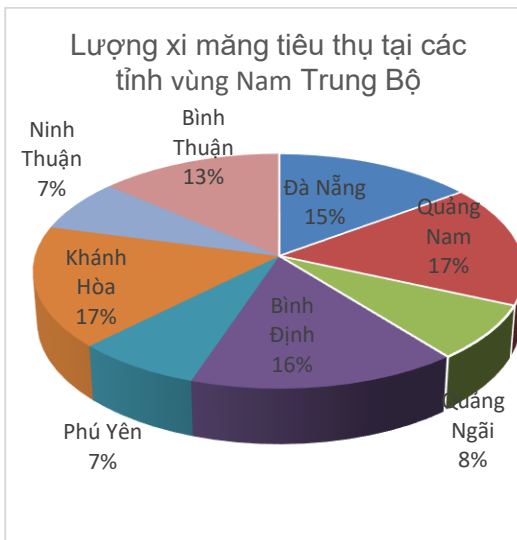
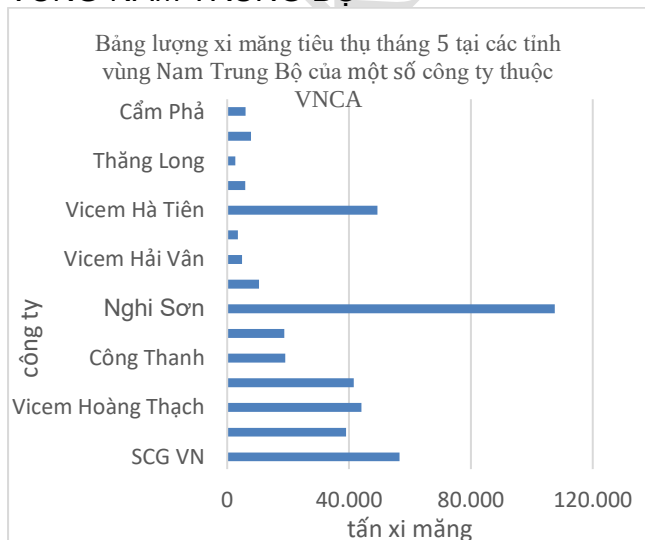
Sản lượng tiêu thụ tại miền Trung của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:



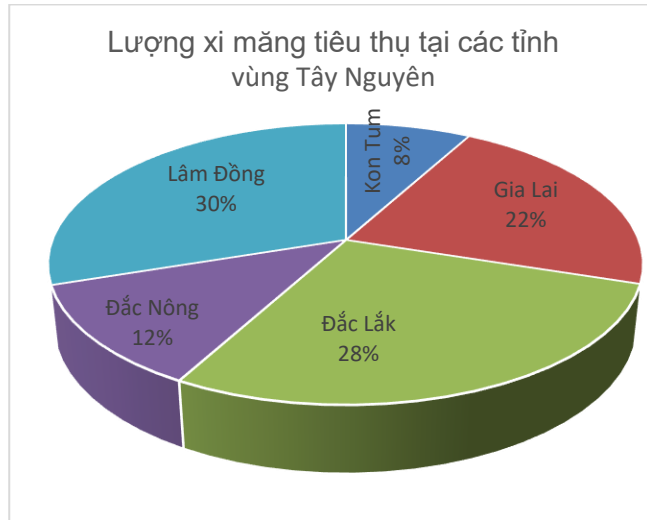
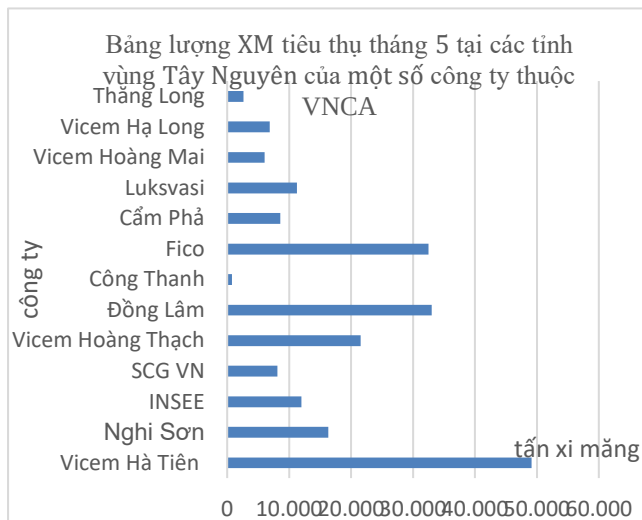
Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Trung trong tháng 5/2022 như sau:
VÙNG BẮC TRUNG BỘ:



VÙNG NAM TRUNG BỘ



VÙNG TÂY NGUYÊN:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Trung như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá XM tại Nghệ An, Hà Tĩnh:**

- XM Sông Gianh: 1.300

- XM Bỉm Sơn: 1.500

- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.510

*** Giá XM tại Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế:**

- XM Sông Gianh: 1.460

- XM Luks VN PCB 40: 1.400

- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.500

*** Giá XM tại Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi:**

- XM Sông Gianh: 1.720 - XM Hải Vân (tại Nhà

máy): 1.650

- XM Long Sơn: 1.640

- XM Hoàng Thạch PCB 40: 1.700

XM Hoàng Mai PCB 40: 1.690

- XM Đồng Lâm: 1.620

- XM luks VN PCB 40: 1.690 - ChinFon: 1.770

*** Giá XM tại Gia lai, Đắk Lắk, Kontum:**

XM Hoàng Thạch: 1.980

- XM Hà tiên Vicem PCB 40(giá đến người tiêu dùng): 1.950

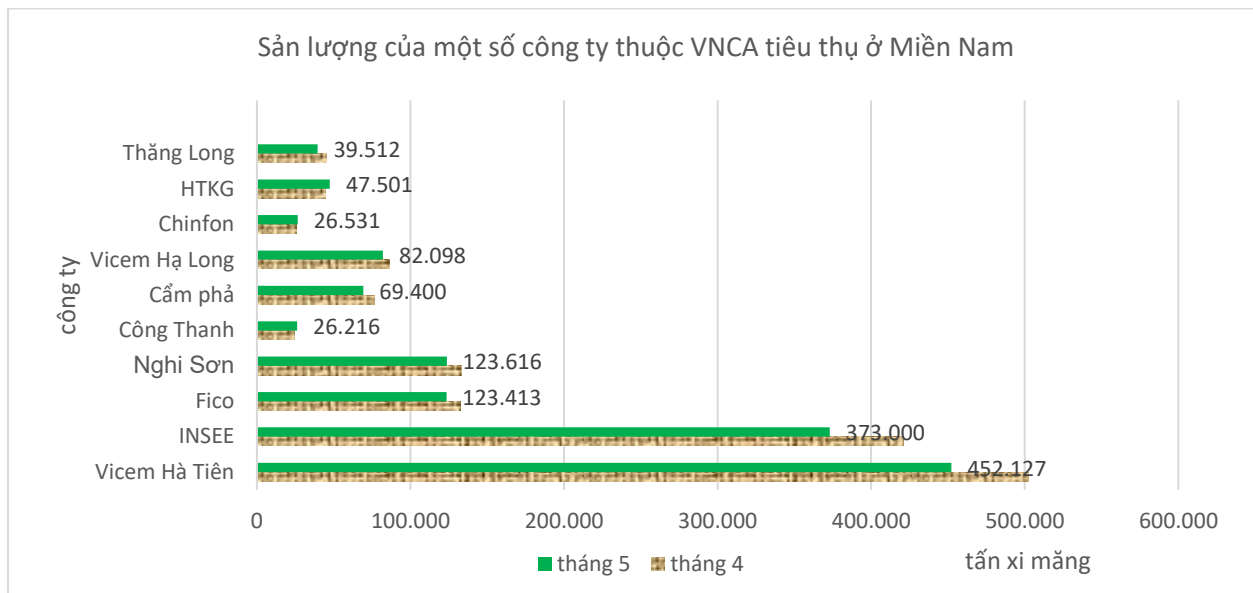
- XM Thăng Long 1.890

- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.900

III. Thị trường xi măng Miền Nam:

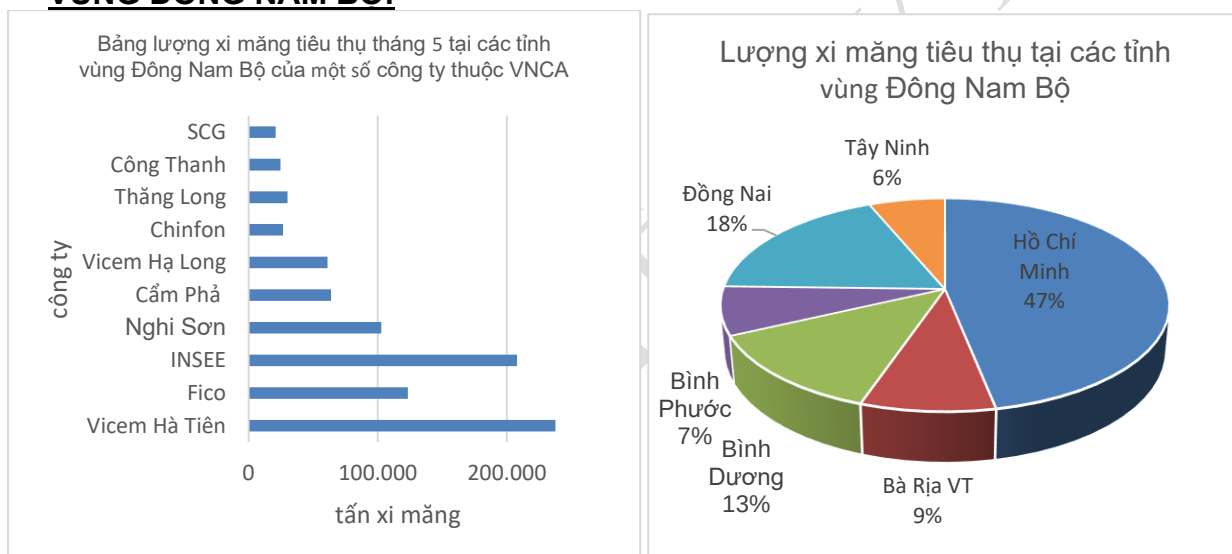
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Nam là: 1.982.329 tấn (tháng 4 là 2.127.451 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Nam của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

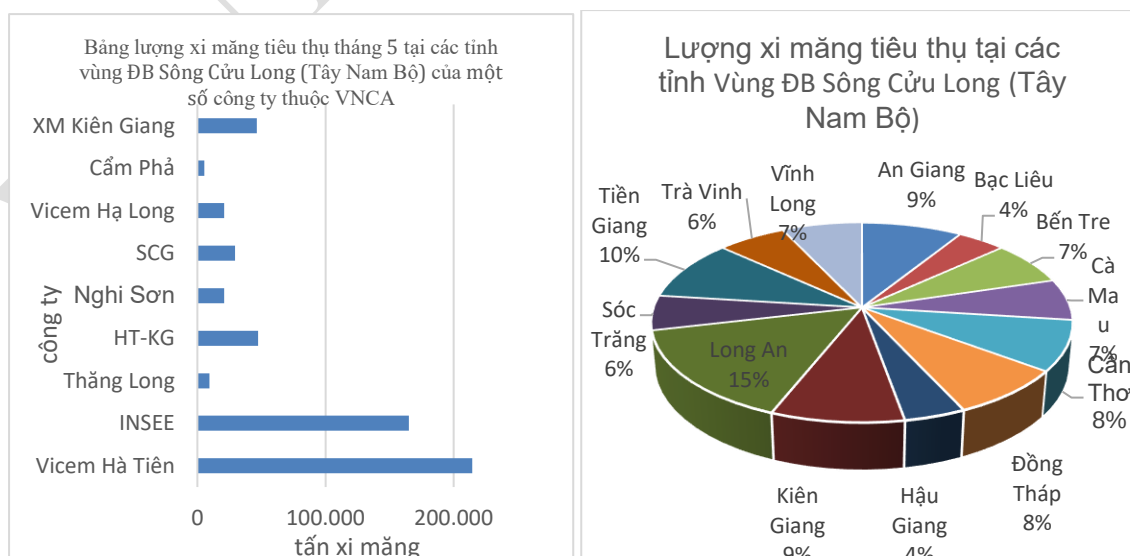


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Nam tháng 5/2022 như sau:

VÙNG ĐÔNG NAM BỘ:



VÙNG ĐB SÔNG CỬU LONG (TÂY NAM BỘ):



Giá một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Nam như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá xi măng tại Thành phố HCM:**

- XM Vicem -Hà Tiên PCB 40 (giá đến người tiêu dùng) : 1.900 ; XM Starcem: 1.810
- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.750 - XM FICO: 1.850
- XM ChinFon :1.760 - XM INSEE đa dụng PCB 40: 1.890 (giá tại nhà máy)
- XM Cẩm phả PCB 40: 1.780 - XM Công Thanh: 1.680 (giá đến người tiêu dùng)

*** Giá xi măng tại Cần Thơ và các tỉnh lân cận:**

- XM FICO Tây Ninh: 1.840 - XM Nghi Sơn PCB 40: 1.620
- XM Tây Đô tại Công ty PCB 40 1.594; PCB 50 xá: 1.653 XM Hà tiên Vicem PCB 40 đa dụng giá đến người tiêu dùng): 1.750
- INSEE: 1.860 - Starcem: 1.840

*** Giá xi măng tại Kiên Giang:** - XM Hà tiên Vicem PCB 40 (giá đến người tiêu dùng): 1.780
 XM Hà Tiên-Kiên Giang (cá sấu) PCB 30 tại kho: 1.390 PCB 40: 1.490
 XM Kiên giang (hiệu sư tử tháp) PCB 40: 1.670

Nhân xét chung thị trường nội địa:

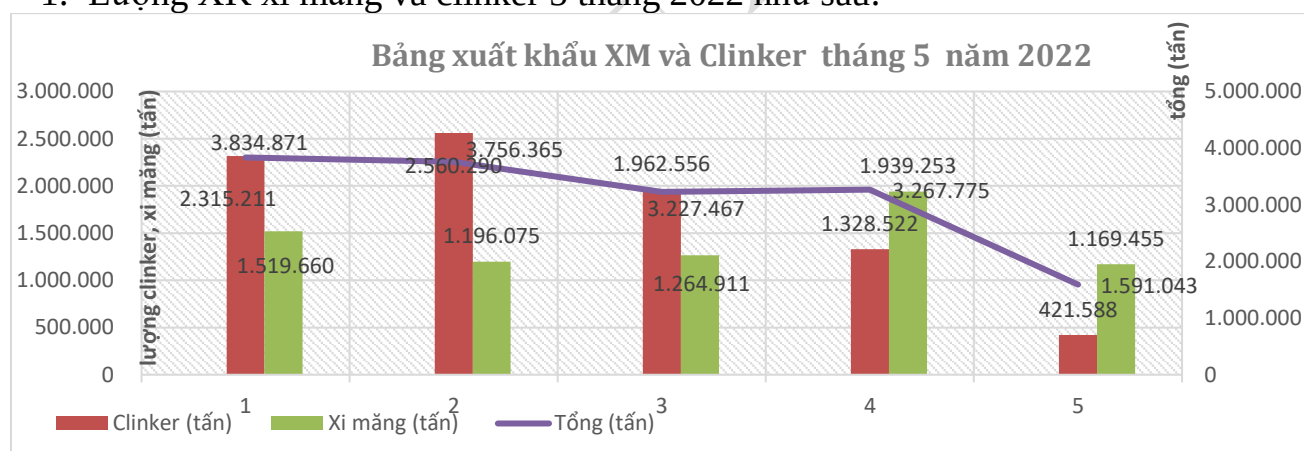
Về tiêu thụ xi măng: giảm so với tháng 4

Về giá bán xi măng: từ đầu tháng 5 các nhà máy xi măng điều chỉnh tăng giá bán với mức tăng từ 50-80.000đồng/tấn do chi phí nguyên liệu đầu vào cho sản xuất liên tục tăng mạnh đặc biệt là giá than.

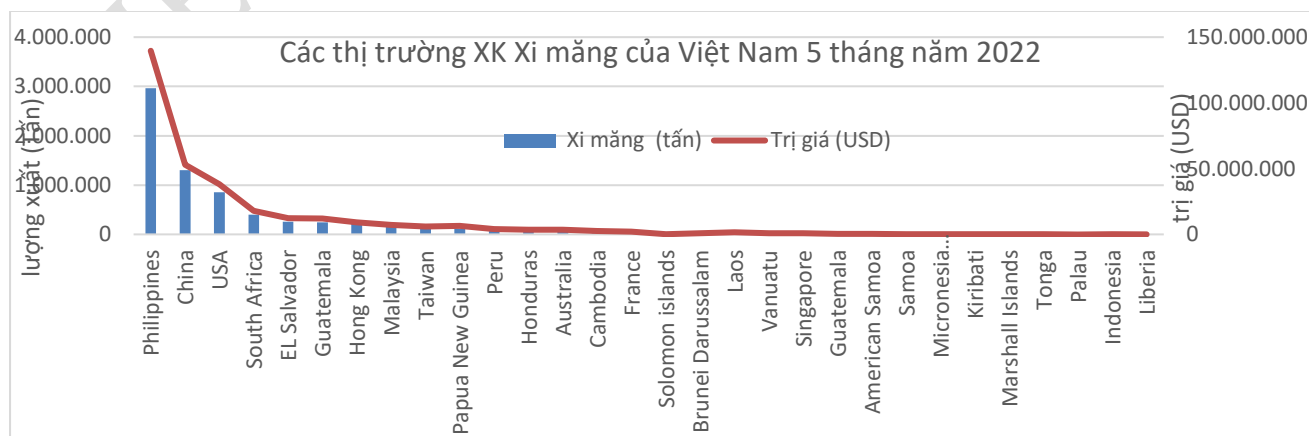
Tồn kho cuối tháng 4: Xi măng: 2 triệu tấn; clinker: 2,1 triệu tấn.

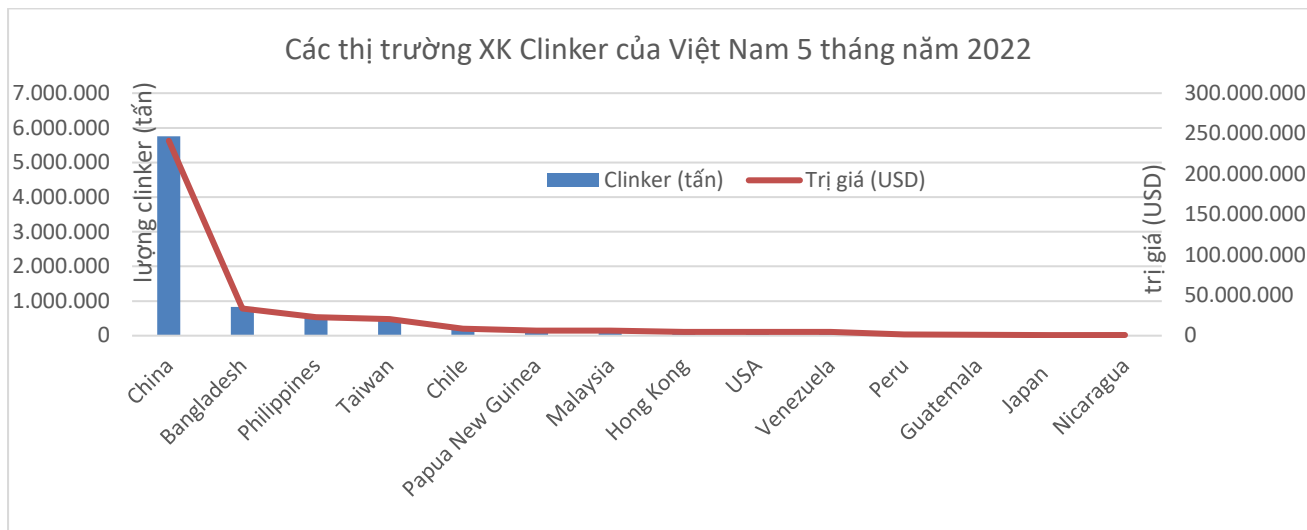
B- XUẤT KHẨU (XK):

1. Lượng XK xi măng và clinker 5 tháng 2022 như sau:

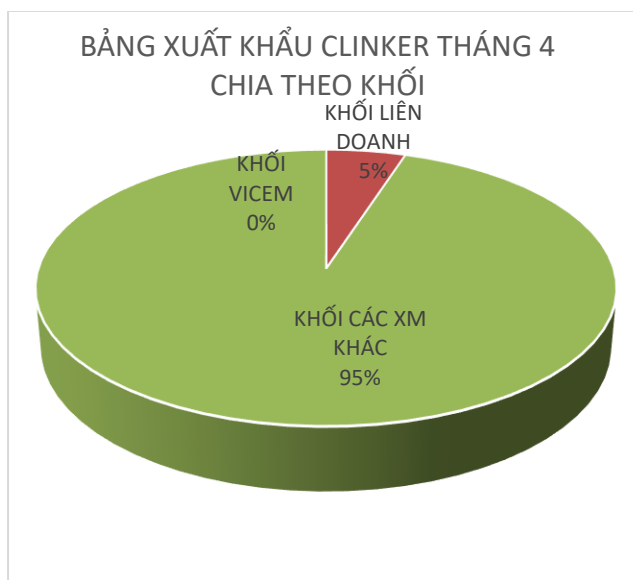


2. Các thị trường XK xi măng và clinker của Việt Nam 5 tháng năm 2022:

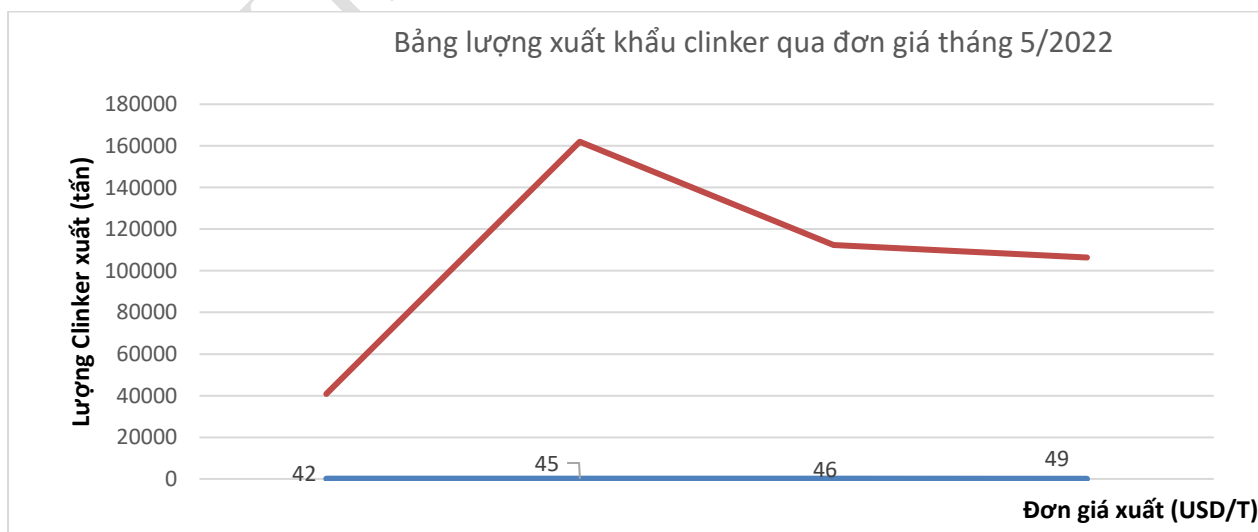


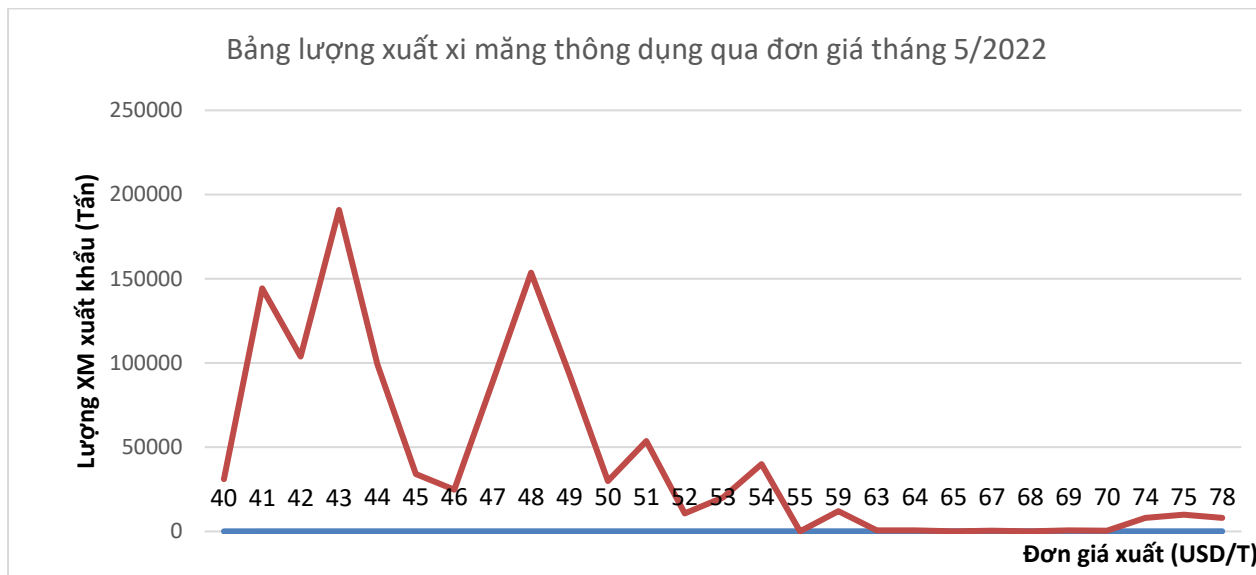


3. Sản lượng xuất khẩu xi măng và clinker tháng 5 chia theo các khối:



4. Bảng lượng và đơn giá xuất khẩu xi măng loại thông thường và clinker trong tháng 5/2022 như sau:





C- SX THÁNG 5/2022, KẾ HOẠCH THÁNG 6/2022 VÀ LŨY KẾ TTND NĂM 2022:

Đơn vị: Tấn

	Đơn vị	SX XM tháng 5/2022	Lũy kế SX xi măng 2022	Kế hoạch TTND T6/2022	Lũy kế TTND năm 2022
A	Khối VICEM	2.285.917	10.719.301	1.972.200	9.167.517
1	Vicem Hải Phòng	165.241	722.574	256.700	1.047.057
2	Vicem Hoàng Thạch	373.695	1.684.646	365.000	1.710.072
3	Vicem Bút Sơn	300.176	1.348.502	250.000	1.225.742
4	Vicem Tam Điệp	95.025	574.588	0	0
5	Vicem Bỉm Sơn	308.725	1.468.365	265.000	1.309.000
6	Vicem Hoàng Mai	156.790	693.345	126.900	578.970
7	Vicem Hải Vân	53.071	227.174	10.000	49.417
8	Vicem Hà Tiên	548.782	2.624.673	580.000	2.678.805
9	Vicem Hạ Long	190.181	928.206	118.400	567.740
10	Vicem Sông Thao	94.231	447.229	200	714
B	Khối LD	1.536.521	6.959.649	1.437.020	6.327.881
1	XM Nghi Sơn	431.270	2.034.007	391.500	1.693.720
2	XM Chinfon	265.183	1.198.384	262.000	1.109.167
3	Siam City Cement	400.000	1.890.000	410.000	1.884.000
4	XM Luks(Vietnam)	110.000	385.000	80.000	321.000
5	XM Thăng Long	120.000	510.000	75.000	379.937
6	XM Hệ Dưỡng	15.068	107.258	16.520	108.351
7	SCG VN	195.000	765.000	180.000	746.570
8	XM Phúc Sơn	0	70.000	22.000	85.136
C	Khối các Cty xm khác	3.450.000	16.000.000	2.400.000	10.910.000
	Toàn XH: (A+B+C)	7.272.438	33.678.950	5.809.220	26.405.398

Đánh giá:

- TTNĐ tháng 5/2022: 5.655.199 tấn bằng 92% so với cùng kỳ năm 2021, bằng 95% so với tháng 4/2022.
- Tổng TTNĐ 5 tháng năm 2022 đạt 26.405.398 tấn tương đương với cùng kỳ 2021.
- Xuất khẩu tháng 5/2022: 1.591.043 tấn (trong đó xi măng 1.169.455 tấn bằng 70% so với cùng kỳ 2021, 60% so với tháng 4/2022 và clinker là 421.588 tấn bằng 13% so với cùng kỳ 2021, 32% so với tháng 4/2022) bằng 50% so với cùng kỳ 2021, bằng 49% so với tháng 3.
- Tổng lượng xuất khẩu 5 tháng đầu năm 2022 đạt: 15.677.521 tấn bằng 86% so với cùng kỳ năm 2021 (trong đó xi măng 7.089.543 tấn tăng 6% so với cùng kỳ, clinker là 8.588.167 giảm 25% so với cùng kỳ 2021) .
- TTNĐ và xuất khẩu tháng 5/2022: 7.246.162 tấn bằng 78% so với cùng kỳ năm 2021, bằng 78% so với tháng 4.
- Tổng TTNĐ và XK 5 tháng đầu năm 2022 đạt 42.082.919 tấn giảm 5% so với cùng kỳ năm 2021.